

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Đo lường điện và thiết bị đo (228292) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **29/06/2022**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D4-25**

Mã nhận dạng: 002031

Trang : 1/2

Số SV có mặt: **34**

Số bài thi: **34**

Số tờ giấy thi: **34**

Cán bộ coi thi 1 <i>Đâu Thanh Sung</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>NPN Mai Trang</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Văn Phước</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Đâu Thanh Sung</i>
---	--	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121050001	PHẠM QUỐC ANH	03/02/2003	CCQ2105A		192.2	Anh	7.0	7.0	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121050077	BÙI XUÂN CHIẾN	25/09/2003	CCQ2105A		432.2	Chiến	4.6	3.7	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121050027	ĐOÀN HUỲNH HỮU	29/03/2003	CCQ2105A		192.2	chương	5.1	3.5	4.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121050058	PHẠM TIẾN CƯỜNG	21/01/2003	CCQ2105B		432.2	a	8.8	7.1	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121050050	NGUYỄN ANH DƯƠNG	27/06/2001	CCQ2105B				4.3			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121050002	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	25/06/2003	CCQ2105A		435.2	ĐAT	8.1	7.0	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121050031	NGUYỄN VĂN THÀNH ĐẠT	17/07/2003	CCQ2105A		192.2	B	8.1	5.3	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121050041	NGUYỄN ĐỨC	20/04/2003	CCQ2105B		432.2	Đuc	5.0	5.4	5.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121050003	NGUYỄN PHAN THÀNH ĐỨC	09/03/2003	CCQ2105A			Cầm Thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121050071	PHAN MINH ĐỨC	27/05/2003	CCQ2105B	312.2	312.2	Đuc	8.6	7.1	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121050057	HÒA NGỌC HẢI	22/02/2002	CCQ2105B		271.2	Hai	3.4	4.1	3.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121050004	LÂM THANH HIỀN	21/09/2003	CCQ2105A		312.2	Thien	6.3	7.3	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121050049	ĐÀO TẤN HIỀN	27/09/2003	CCQ2105B		271.2	Tan	8.3	6.3	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121050078	NGUYỄN TRUNG HIẾU	17/11/2002	CCQ2105B		312.2	Thi	7.1	8.0	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121050074	ĐỖ MẠNH HÙNG	08/04/2003	CCQ2105B			Cầm Thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121050019	VÕ NGỌC HUY	06/02/2003	CCQ2105A		312.2	Huy	8.9	8.7	8.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121050025	NGUYỄN HẢI HÙNG	15/07/2003	CCQ2105A			Cầm Thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121050038	NGUYỄN HOÀNG HY	13/07/2003	CCQ2105B		271.2	Hy	7.4	6.8	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121050013	NGUYỄN NGỌC KHA	21/11/2003	CCQ2105A		312.2	Kha	7.1	6.0	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121050042	HỨA HOÀNG KHANG	16/12/2003	CCQ2105B		271.2	Kang	7.4	8.5	8.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 10/06/2022

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Đo lường điện và thiết bị đo (228292) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **29/06/2022**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D4-25**

Mã nhận dạng: 002031

Trang : 2/2

Số SV có mặt: 34

Số bài thi: 34

Số tờ giấy thi: 34

Cán bộ coi thi 1 <i>Đào Thanh Sang</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>N.P Mai Trang</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Văn Phước</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Văn Phước</i>
---	--	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121050034	NGUYỄN VIỆT KHANG	23/09/2003	CCQ2105A		342.2	<i>Kh</i>	6.3	7.5	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121050043	CHÂU QUỐC KHÁNH	02/09/2003	CCQ2105B		271.2	<i>Kh</i>	5.7	5.8	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121050061	NGUYỄN HUỖNH ĐĂNG KHÁNH	05/12/2003	CCQ2105B		312.2	<i>Kh</i>	7.1	7.0	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121050022	LÂM TUẤN KIẾT	14/08/2002	CCQ2105A		271.2	<i>Kh</i>	6.2	6.8	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2118050026	LÝ ĐỨC KỶ	13/11/1999	CCQ1805A		435.2	<i>Kh</i>	7.0	6.0	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121050062	NGUYỄN TỰ LẬP	10/08/2003	CCQ2105B		192.2	<i>Kh</i>	6.2	4.2	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121050056	NGUYỄN HOÀI LINH	09/07/2003	CCQ2105B		435.2	<i>Kh</i>	4.5	5.9	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2121050047	TRƯƠNG THÀNH LINH	27/05/2000	CCQ2105B		192.2	<i>Kh</i>	6.5	6.0	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2121050005	PHAN PHI LONG	29/10/2000	CCQ2105A		435.2	<i>Kh</i>	8.4	7.3	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2121050006	TRẦN VĂN LUÂN	03/11/2003	CCQ2105A			<i>Cm Th</i>				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2121050055	NGUYỄN VĂN LƯU	19/04/2003	CCQ2105B		435.2	<i>Kh</i>	4.1	4.7	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2121050051	NGUYỄN GIA MÃN	30/10/2003	CCQ2105B		192.2	<i>Kh</i>	5.9	3.9	4.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2121050065	TRỊNH VĂN MINH	17/10/2003	CCQ2105B		312.2	<i>Kh</i>	4.7	7.3	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2121050036	LÊ THANH NAM	19/05/2003	CCQ2105B		271.2	<i>Kh</i>	3.6	3.7	3.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2121050076	NGUYỄN HOÀI NAM	10/07/2003	CCQ2105B		192.2	<i>Kh</i>	5.0	5.1	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2121050063	ĐỖ DUY NGỌC	14/11/2003	CCQ2105B		435.2	<i>Kh</i>	5.7	3.9	4.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2121050030	HỒ NGỌC NGUYỄN	25/09/2003	CCQ2105A		312.2	<i>Kh</i>	5.7	3.0	4.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2121050040	NGUYỄN TRƯỜNG ĐÌNH NGUYỄN	20/04/2003	CCQ2105B		271.2	<i>Kh</i>	3.5	3.6	3.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2121050018	HOÀNG QUỐC NHẬT	11/09/2003	CCQ2105A			<i>Cm Th</i>				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2121050007	TRẦN PHƯƠNG NHẬT	07/07/2003	CCQ2105A		192.2	<i>Kh</i>	5.8	4.6	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Đo lường điện và thiết bị đo (228292) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **29/06/2022**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D4-22**

Mã nhận dạng: **002032**

Trang : 1/2

Số SV có mặt: **29**

Số bài thi: **29**

Số tờ giấy thi: **29**

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Văn Phước</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn Văn Phước</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Văn Phước</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Văn Phước</i>
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121050032	NGUYỄN PHÁT	14/03/2003	CCQ2105A		192	Phát	4.5	3.9	4.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121050008	NGUYỄN TẤN	19/09/2003	CCQ2105A		271	Phát	5.2	7.3	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121050009	NGUYỄN TRUNG	18/03/2003	CCQ2105A		312	Phi	6.2	4.6	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121050039	ĐẶNG ĐỨC	07/07/2003	CCQ2105B		435	Phu	7.2	6.4	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121060026	NGUYỄN XUÂN	10/08/2003	CCQ2106A		192	Phu	7.4	5.6	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121050021	TRẦN QUANG	02/03/2002	CCQ2105A				5.2			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121050045	LÊ NGÔ HỮU	13/06/2003	CCQ2105B			Cầm Thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121050010	ĐỖ HOÀNG	16/01/2003	CCQ2105A		432	Phu	7.5	5.9	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121050064	NGUYỄN THANH	23/04/2003	CCQ2105B		312	Phu	7.5	7.0	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121050066	ĐOÀN NGỌC	29/09/2003	CCQ2105B		271	Qu	6.6	7.1	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121050046	NGUYỄN MINH	04/06/2001	CCQ2105B				5.5			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121050069	ĐỖ TRỌNG	16/01/2003	CCQ2105B			Cầm Thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121050060	LÊ VĂN	02/01/2003	CCQ2105B		312	Quyết	9.1	8.0	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121050037	CHÂU PHƯỚC	11/11/2003	CCQ2105B		271	Sang	5.6	4.6	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121050011	PHAN TRẦN TRUNG	15/12/2003	CCQ2105A		312	Tâm	4.8	4.4	4.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121050044	TỬ TỊNH	31/05/2003	CCQ2105B		432	Phu	6.3	4.6	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121050054	ĐÀNG ĐỨC	17/06/2003	CCQ2105B		192	Phu	5.8	4.7	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2117050137	NGUYỄN VĂN	19/02/1998	CCQ1705B		271	Phu	5.6	7.1	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121050012	NGUYỄN CÔNG	25/08/2003	CCQ2105A		192	Thành	7.2	7.8	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121050033	NGUYỄN ĐÌNH	24/05/2003	CCQ2105A			Cầm Thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 10/06/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Đo lường điện và thiết bị đo (228292) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **29/06/2022**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D4-22**

Mã nhận dạng: **002032**

Trang : 2/2

Số SV có mặt: **29**

Số bài thi: **29**

Số tờ giấy thi: **29**

Cán bộ coi thi 1 <i>Trần Thị Thuận</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Trần Thị Thuận</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Văn Phước</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Văn Phước</i>
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121050059	PHẠM QUANG THẮNG	15/04/2002	CCQ2105B		192	<i>Thắng</i>	7.3	6.1	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121050067	VÕ CÔNG THẬT	20/09/2000	CCQ2105B			<i>Cán bộ Thi</i>				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121050028	NGUYỄN SỸ THIÊN	13/02/2002	CCQ2105A		1092	<i>Thiên</i>	5.1	5.4	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121050026	PHẠM MINH THÔNG	03/10/2003	CCQ2105A		435	<i>Thư</i>	6.4	6.5	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121050014	LÊ MINH THUẬN	13/09/2003	CCQ2105A		271	<i>Thư</i>	5.7	3.9	4.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121050052	LÊ MINH THUẬN	13/02/2003	CCQ2105B		271	<i>Thư</i>	4.7	7.0	6.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121050015	NGUYỄN MINH TIẾN	18/06/2003	CCQ2105A		192	<i>Thư</i>	6.4	7.1	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2121050075	LÊ ĐÔNG TRIỀU	27/12/2003	CCQ2105A		435	<i>Thư</i>	6.8	6.4	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2121050016	TRƯƠNG THANH TRIỀU	06/10/2001	CCQ2105A		192	<i>Thư</i>	6.1	5.4	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2121050053	HUỲNH NGUYỄN TẤN TRUNG	30/01/2002	CCQ2105B		312	<i>Trung</i>	5.6	7.6	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2121050068	NGUYỄN VĂN TRUNG	08/01/2002	CCQ2105B			<i>Cán bộ Thi</i>				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2121050048	TRẦN TRUNG TRỰC	01/10/2002	CCQ2105B		435	<i>Thư</i>	5.1	4.2	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2121050029	VÕ THÀNH TUẤN	17/11/2003	CCQ2105A		192	<i>Tuấn</i>	4.3	4.4	4.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2121050073	NGUYỄN MINH TUẤN	01/06/2003	CCQ2105A			<i>Cán bộ Thi</i>				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2121050020	PHẠM MINH TUẤN	16/10/2001	CCQ2105A		312	<i>Tuấn</i>	6.1	5.6	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2121050035	TRẦN VĂN TUẤN	03/07/2003	CCQ2105A			<i>Cán bộ Thi</i>				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2121050072	HUỲNH HOÀNG TUẤN	29/05/1998	CCQ2105B			<i>Cán bộ Thi</i>				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2121050023	NGUYỄN VĂN VĨ	31/03/2002	CCQ2105A			<i>Cán bộ Thi</i>				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2121050017	LÊ HỒNG VIỆT	27/09/2003	CCQ2105A		312	<i>Việt</i>	6.4	5.3	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2121050024	HỒ THANH XUÂN	25/01/2003	CCQ2105A		271	<i>Xuân</i>	5.1	5.1	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi